

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MS
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/11/2021

V/v Ly hôn giữa chị Y và A1h A

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Bùi Nguyên Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:30/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXX- ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Hải Y, sinh năm 1991, Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu NS, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Nơi ở: Tiểu khu C, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn A, sinh năm 1989, Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tiểu khu NS, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Lương Hải Y trình bày:

Chị và Anh Nguyễn A kết hôn với nhau từ năm 2014 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/5/2014. Khi kết hôn chị và Anh A đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn A1h chị chung sống hoà thuận hạnh phúc được đến đầu năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do Anh A có tình cảm với người phụ nữ khác, không tu trí làm ăn ảnh hưởng đến kinh tế gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn giữa hai A1h chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hoà giải

cho nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và Anh A đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với Anh A. Tại phiên toà, chị Y giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Anh A.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình A1 sinh ngày 06/11/2014 và cháu Nguyễn Diệp Chi sinh ngày 08/01/2017. Từ khi ly thân cả hai cháu sống cùng với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu Anh A phải có trách nhiệm nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

Anh A dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến yêu cầu của xin ly hôn của chị Y nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc và không có quA1 điểm về việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 208 BLTTDS, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Theo ý kiến của đại diện chính quyền địa phương nơi A1h chị sinh sống và bà Trần Thị Khuyên - mẹ đẻ A1h A cho biết về nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa hai vợ chồng A1h A là do A1h A không tu trí làm ăn, không quA1 tâm chăm lo cho vợ con nên vợ chồng có xích mích. Chị Y về nhà ngoại sống từ đầu năm 2021 cho đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có quA1 tâm đến nhau. Gia đình bố mẹ hai bên đã khuyên bảo động viên các con nhưng không được. Nay chị Y có yêu cầu xin ly hôn với A1h A thì gia đình cũng tôn trọng nguyện vọng của các con, mong sớm được giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Chị Y, A1h A có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình A1 sinh năm 2014 và Nguyễn Diệp Chi sinh năm 2017. Cả hai cháu hiện đều điA1g sống với mẹ. A1h A hiện điA1g đi tìm việc nhà nên cũng thường xuyên vắng nhà.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Hải Y. Xử cho chị Y ly hôn với A1h A. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình A1 sinh ngày 06/11/2014 và cháu Nguyễn Diệp Chi sinh ngày 08/01/2017 cho chị

Lương Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng. A1h A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA1h luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Lương Hải Yến về việc xin ly hôn với A1h Nguyễn Tuấn A1h. A1h Tuấn A1h có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu Nà Sản, xã HL, MS, Sơn La. Chị Yến đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quA1 đến ly hôn, con chung của vợ chồng giữa chị Yến và A1h Tuấn A1h. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện MS thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quA1 hệ trA1h chấp là xin ly hôn, trA1h chấp về nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Bị đơn A1h Nguyễn Tuấn A1h đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa thông qua mẹ đẻ là bà Trần Thị Khuyên. Bà Khuyên cam kết có trách nhiệm giao và thông báo lại các giấy tờ được nhận tổng đạt của Tòa án cho A1h Tuấn A1h. Nhưng A1h Tuấn A1h không có mặt và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lương Hải Y và A1h Nguyễn A tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014, A1h chị đã được UBND xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/5/2014 (số 35, quyển số 01/2014). Khi kết hôn A1h chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên A1h chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai A1h, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do A1h A có tình cảm với người phụ nữ khác và không tu trí làm ăn dẫn đến không chăm lo cho vợ con. Mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2021 nên chị Y về nhà ngoại sống, hai A1h chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân hai vợ chồng không quA1 tâm đến nhau. A1h A do đã biết và được nhận tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của chị Y nhưng không có mặt để giải quyết vụ án, cũng không có bất kì ý kiến, quA1 diêm về việc giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, A1h chị sống ly thân thời gian đã lâu, vợ chồng không còn quA1 tâm nhau. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y xử cho chị Y được ly hôn với A1h A.

[2.2] Về con chung:

Chị Y, A1h A có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình A1 sinh ngày 06/11/2014 và cháu Nguyễn Diệp Chi sinh ngày 08/01/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân, hai cháu sống cùng chị Y, A1h A không quA1 tâm đến các con. Hiện tại công việc của chị Y là Dược sĩ tại Bệnh viện đa khoa huyện MS với mức thu nhập 5.877.000đ/tháng. Ngoài ra chị Yến cũng có thêm thu nhập từ quầy thuốc bán tại nhà dao động từ 5.000.000 VNĐ đến 7.000.000VNĐ/tháng. Chị Yến và các con hiện sống ở nhà bố mẹ đẻ của chị Yến, đảm bảo về chỗ ăn ở và sinh hoạt của ba mẹ con. Tại thời điểm xét xử, cháu A1 đã đủ 07 tuổi có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ. A1h A chưa có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. A1h A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. A1h A không có ý kiến gì về việc chị Y có yêu cầu xin ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này. Nếu sau này phát sinh trA1h chấp về tài sản chung vợ chồng hoặc có yêu cầu của người thứ ba liên quA1 đến khoản nợ chung vợ chồng thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.5] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA1 Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lương Hải Y và A1h Nguyễn A.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Bình A1 sinh ngày 06/11/2014 và cháu Nguyễn Diệp Chi sinh ngày 08/01/2017 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A1, cháu Chi thành niên (đủ 18 tuổi).

A1h A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, A1h A được quyền thăm gặp con chung, không ai được cản trở A1h A thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001226 ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã HL ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Minh Quân

